

Bản án số: 61/2023/HS-ST
Ngày 13 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Bích Liên

Ông Nguyễn Quang Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Công M1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/11/1988 tại huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố Y, thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Công T, sinh năm 1965 và con bà Lưu Thị M, sinh năm 1967; vợ là Trần Thị T, sinh năm 1995 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/02/2023 đến ngày 18/02/2023 được tại ngoại, (có mặt).

2. Nguyễn Hữu D, sinh ngày 15/08/1966 tại huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1937 và con bà Trần Thị C1, sinh năm 1935; vợ là Trần Thị C2, sinh năm 1974 và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/02/2023 đến ngày 18/02/2023 được tại ngoại, (có mặt).

3. Đỗ Văn T, sinh năm 26/08/1972 tại huyện Bình Xuyên; trú tại: Tổ dân phố H1, thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 04/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Đỗ Văn T, sinh năm 1941 (đã chết) và con bà Dương Thị S, sinh năm 1941 (đã chết); vợ là Lưu Thị H, sinh năm 1974 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/02/2023 đến ngày 18/02/2023 được tại ngoại, (có mặt).

4. Lưu Văn M2, sinh ngày 26/03/1989 tại thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Lưu Văn N, sinh năm 1957 và con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; vợ là Đỗ Thị T, sinh năm 1996 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/02/2023 đến ngày 18/02/2023 được tại ngoại, (có mặt).

5. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 09/9/1986 tại huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1960 và con bà Phạm Thị L, sinh năm 1958; vợ là Dương Thị H, sinh năm 1988 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/02/2023 đến ngày 18/02/2023 được tại ngoại, (có mặt).

6. Lưu Văn B, sinh ngày 14/4/1982 tại huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Tổ dân phố H1, thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Lưu Văn L, sinh năm 1935 và con bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1938 (đã chết); vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/10/2020 bị Công an huyện Bình Xuyên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, mức phạt 2.500.000đ. Ngày 19/10/2020, B đã nộp phạt xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/02/2023 đến ngày 18/02/2023 được tại ngoại, (có mặt).

7. Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 30/01/1989 tại huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Tổ dân phố H2, thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông (không rõ bố đẻ) và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/02/2023 đến ngày 18/02/2023 được tại ngoại, (có mặt).

8. Nguyễn Văn T3, sinh ngày 10/10/1968 tại huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1937 (đã chết) và con bà Lưu Thị T, sinh năm 1937; vợ là Trần Thị L, sinh năm 1980 và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/02/2023 đến ngày 18/02/2023 được tại ngoại, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/02/2023, Nguyễn Công M1, sinh năm 1988 ở Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc thuê căn nhà 04 tầng của gia đình ông Nguyễn Duy Hiên, sinh năm 1962, ở Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc để ở và kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ.

Khoảng 14 giờ ngày 12/02/2023, Nguyễn Công M1 đang ở nhà thì lần lượt có Nguyễn Văn T3, sinh năm 1968; Nguyễn Hữu D, sinh năm 1966; Lưu Văn B, sinh năm 1982; Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1989; Lưu Văn M2, sinh năm 1989; Đỗ Văn T, sinh năm 1972; Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986 đến chơi. Tại đây T3, D, B, H, M2, T, T2 xin phép M1 cho mượn phòng ngủ để đánh bạc, M1 đồng ý và yêu cầu ai tham gia đánh bạc phải nộp cho M1 200.000đ tiền nhà. Sau đó M1 đóng cửa cuốn ra vào nhà rồi dẫn mọi người lên phòng ngủ phía sau của tầng 4 để đánh bạc. Khi lên đến phòng ngủ của tầng 4 thì T3, D, B, H, M2, T, T2 thống nhất với nhau đánh bạc bằng hình thức đánh “3 cây”, cách thức chơi đánh bạc như sau: Trong mỗi ván bài, mỗi người chơi được chia ba quân bài rồi cộng điểm, so điểm với người cầm chương (cầm cái), thang điểm tính từ cao xuống thấp (10 đến 1), thắng, thua sẽ tương ứng với số tiền đặt cược. Nếu điểm bằng nhau thì so theo chất từ cao đến thấp là rô, cơ, tép, bích. Ai được 10 điểm thì được nhận gấp đôi số tiền đặt cược. Mức đặt cược thấp nhất là 200.000đ/01 ván. Sau khi đã thống nhất hình thức đánh bạc thì các đối tượng trên lấy 01 bộ bài tứ lơ khơ, ngòi xuống chiếu nhựa đã được M1 để trong phòng từ trước để đánh bạc. M1 không chơi chỉ ngồi xem đồng thời cảnh giới trông cửa cuốn khi có người muốn ra vào tránh bị phát hiện. Đến 15 giờ cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Tang vật cơ quan Công an đã thu giữ: Số tiền 47.300.000đ trên chiếu bạc, 52 quân bài tứ lơ khơ, 01 chiếu nhựa; thu giữ trên người Nguyễn Công M1 440.000đ.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng đánh bạc khai nhận: trước khi đánh bạc, các đối tượng đều để toàn bộ số tiền đánh bạc ra trước vị trí ngồi để thanh toán thắng thua cho nhau, D có số tiền khoảng 13.000.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, T có số tiền khoảng 9.000.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, M2 có số tiền khoảng 6.500.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, T2 có số tiền khoảng 4.500.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, B có số tiền khoảng 4.500.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, H có số tiền khoảng 4.000.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, T3 có số tiền khoảng 2.500.000đ sử dụng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng khai nhận mang theo để đánh bạc là khoảng 44.000.000đ. Tuy nhiên, các đối tượng đều khẳng định toàn bộ số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 47.300.000đ là tiền sử dụng vào việc đánh bạc. Do đó, có đủ cơ sở xác định tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 47.300.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 59/CT-VKSBX ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Công M1 về tội “Gà bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn B,

Nguyễn Tuấn H, Nguyễn Văn T3 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo: Nguyễn Công M1 về tội “Gá bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn B, Nguyễn Tuấn H, Nguyễn Văn T3 về tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1,2 Điều 51; khoản 1,2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công M1 từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 đến 36 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1,2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn B, Nguyễn Tuấn H, Nguyễn Văn T3; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; khoản 1,2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Hữu D.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn B, Nguyễn Tuấn H, Nguyễn Văn T3 mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Áp dụng khoản 3 Điều 322, phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Công M1 từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ sung quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 321, phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn B, Nguyễn Tuấn H, Nguyễn Văn T3 mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ sung quỹ nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy các phương tiện dùng vào việc phạm tội; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền sử dụng vào việc đánh bạc, trả lại số tiền thu giữ trên người bị cáo Nguyễn Công M1 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Công M1, Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn B, Nguyễn Tuấn H, Nguyễn Văn T3 đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Các bị cáo khai nhận: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 12/02/2023, tại nhà thuê của Nguyễn Công M1 ở Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, M1 đã đồng ý cho các đối tượng đánh bạc ăn tiền để thu tiền hồ; Các đối tượng tham gia đánh bạc gồm: Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tuấn H, Lưu Văn B, Nguyễn Văn T3 đánh bạc bằng hình thức “ba cây” ăn tiền. M1 không tham gia đánh bạc nhưng ngồi xem và cảnh giới cho các đối tượng đánh bạc. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi D, T, M2, T2, H, B, T3 đang đánh bạc với nhau thì bị tổ công tác của Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện, bắt quả tang.

Tang vật Cơ quan công an đã thu giữ gồm: Số tiền 47.740.000đ (trong đó thu trên chiếu bạc 47.300.000đ), 01 chiếu nhựa và 01 bộ bài tu lơ khơ 52 quân.

Các bị cáo khai nhận: Trước khi đánh bạc, các bị cáo đều để toàn bộ số tiền đánh bạc ra trước vị trí ngồi để thanh toán thắng thua cho nhau, D có số tiền khoảng 13.000.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, T có số tiền khoảng 9.000.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, M2 có số tiền khoảng 6.500.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, T2 có số tiền khoảng 4.500.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, B có số tiền khoảng 4.500.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, H có số tiền khoảng 4.000.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, T3 có số tiền khoảng 2.500.000đ sử dụng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng khai nhận mang theo để đánh bạc là khoảng 44.000.000đ. Tuy nhiên, các đối tượng đều khẳng định toàn bộ số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 47.300.000đ là tiền sử dụng vào việc đánh bạc. Do đó, xác định tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 47.300.000đ.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của Nguyễn Công M1 đã phạm vào tội Gá bạc, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn B, Nguyễn Tuấn H, Nguyễn Văn T3 đã phạm vào tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây mất trị an tại địa phương, xâm phạm đến trật tự nếp sống Văn M2 của xã hội. Từ tội đánh bạc có thể nảy sinh ra nhiều tội phạm khác như trộm cắp tài sản, cưỡng đoạt tài sản, gây rối trật tự công cộng... Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Công M1, Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tuấn H, Lưu Văn B, Nguyễn Văn T3 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo D, T, M2, T2, H, B, T3 đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo M1 do ham chơi, háms lợi và nể nang bạn bè nên đã nhận lời cảnh giới, cho mọi người đánh bạc tại nhà mình, tuy nhiên số tiền bị cáo hưởng lợi từ những người đánh bạc có giá trị không lớn (200.000đ một người, thực tế bị cáo chưa nhận được tiền). Mặt khác, bị cáo M1 còn xuất trình đơn có xác nhận của chính quyền địa phương về việc bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo D từng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc và có bố là ông Nguyễn Hữu P được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Do đó, các bị cáo M1, D được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Bộ luật Hình sự.

Trước khi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Công M1, Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tuấn H, Nguyễn Văn T3 đều có nhân thân tốt; bị cáo Lưu Văn B từng bị xử lý hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác nhưng đã quá thời hạn nên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Công M1, Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Lưu Văn B đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú ổn định nên đáng được khoan hồng và có đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, không cần thiết buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Các bị cáo Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tuấn H có nhân thân tốt, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ít, có nơi cư trú ổn định nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần phạt các bị cáo cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T3 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ít nhất nên chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định các bị cáo Nguyễn Công M1, Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn B, Nguyễn Tuấn H đều có tài sản và thu nhập nên cần phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T3 do áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Cần tịch thu, tiêu hủy các phương tiện dùng vào việc phạm tội; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền sử dụng vào việc đánh bạc, trả lại số tiền thu giữ trên người bị cáo Nguyễn Công M1 không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công M1 phạm tội “Gá bạc”, Các bị cáo Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn B, Nguyễn Tuấn H, Nguyễn Văn T3 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1,2 Điều 51; khoản 1,2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công M1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; khoản 1,2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Hữu D 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1,2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Đỗ Văn T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1,2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Lưu Văn M2 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1,2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Lưu Văn B 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Công M1, Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Lưu Văn B cho UBND thị trấn T, huyện Bình Xuyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Văn T2 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày từ ngày 12/02/2023 đến 18/02/2023 (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) nên bị cáo T2 còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Tuấn H 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày từ ngày 12/02/2023 đến 18/02/2023 (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) nên bị cáo H còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tuấn H cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Bình Xuyên giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Bình Xuyên nhận được quyết định thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Văn T3 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

(Trường hợp người được hưởng án treo và cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 322, phạt Nguyễn Công M1 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, phạt các bị cáo Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn B, Nguyễn Tuấn H mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tu lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa; Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 47.300.000đ sử dụng vào việc phạm tội; Trả lại Nguyễn Công M1 số tiền 440.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tất cả vật chứng và số tiền nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng do cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc lập ngày 05 tháng 6 năm 2023.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Công M1, Nguyễn Hữu D, Đỗ Văn T, Lưu Văn M2, Nguyễn Văn T2, Lưu Văn B, Nguyễn Tuấn H, Nguyễn Văn T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ – CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- UBND thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ, Toà hình sự, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

